



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 37
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1801116600 ngày 12 tháng 3 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch	
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thạc Hoát	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Lê Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Phạm Đình Huân	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thái	Phó Giám đốc	
Bà Lê Thùy Ngân	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng ban	
Ông Lê Hoàng Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Đặng Thị Bảo Trân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2022

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Số : 47/2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aacsn.com.vn / Web: www.aacsn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aacsn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác.

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên

Phạm Đức Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.183.676.995	23.165.406.092
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.128.107.642	5.021.362.996
1.	Tiền	111	V.01	4.128.107.642	5.021.362.996
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.165.928.228	5.246.370.394
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.533.116.723	1.640.587.114
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.476.041.325	2.251.705.088
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	156.770.180	1.354.078.192
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	10.131.971.514	11.167.681.230
1.	Hàng tồn kho	141		10.131.971.514	11.167.681.230
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.757.669.611	1.729.991.472
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	373.439.543	98.350.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.438.616.388	1.631.641.472
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	945.613.680	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.145.573.948	196.270.835.753
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.869.300	4.579.379.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	37.869.300	4.579.379.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		181.732.418.082	174.960.984.984
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	181.591.842.329	174.683.497.091
	- Nguyên giá	222		484.136.146.495	454.519.111.491
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(302.544.304.166)	(279.835.614.400)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	140.575.753	277.487.893
	- Nguyên giá	228		640.127.273	640.127.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(499.551.520)	(362.639.380)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	19.871.018.509	15.460.919.578
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.871.018.509	15.460.919.578
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		504.268.057	1.269.552.191
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	504.268.057	1.269.552.191
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		224.329.250.943	219.436.241.845

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		71.152.368.282	59.282.608.621
I.	Nợ ngắn hạn	310		37.026.138.328	27.045.120.514
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.267.708.058	5.418.796.589
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	189.447.306	79.668.038
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	988.492.344	860.345.961
4.	Phải trả người lao động	314		2.471.911.347	1.428.389.741
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	60.378.868	1.271.166.228
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	18.448.843.758	17.009.371.847
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.599.356.647	977.382.110
II.	Nợ dài hạn	330		34.126.229.954	32.237.488.107
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	6.252.509.064	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	27.873.720.890	32.237.488.107
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		153.176.882.661	160.153.633.224
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	153.176.882.661	160.153.633.224
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.733.160.000	117.733.160.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	117.733.160.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.474.639.051	5.451.078.844
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.969.083.610	36.969.394.380
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	15.993.581.988
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.969.083.610	20.975.812.392
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		224.329.250.943	219.436.241.845

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	96.197.640.959	103.012.154.061
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3.121.383	34.869.998
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.194.519.576	102.977.284.063
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	57.359.608.404	62.421.232.632
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.834.911.172	40.556.051.431
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	22.721.393	19.342.606
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	3.289.943.885	3.709.499.476
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.289.943.885	3.709.499.476
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.012.727.724	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	14.889.898.591	12.972.998.625
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.665.062.365	23.892.895.936
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.041.673.569	620.601.432
12.	Chi phí khác	32	VI.07	183.266.004	57.781.210
13.	Lợi nhuận khác	40		858.407.565	562.820.222
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.523.469.930	24.455.716.158
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.554.386.320	3.479.903.766
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.969.083.610	20.975.812.392
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	1.611	1.269
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.11	1.611	1.269

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Lê Thùy Ngân

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		105.481.780.833	112.875.850.178
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.475.497.331)	(31.748.755.450)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.741.930.452)	(27.321.087.814)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.791.090.956)	(3.942.242.924)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(3.137.556.326)	(4.046.861.430)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		384.059.200	128.728.340
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.507.696.354)	(6.104.205.799)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.212.068.614	39.841.425.101
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(34.027.133.935)	(35.709.578.360)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.721.393	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.004.412.542)	(35.709.578.360)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		31.037.699.672	27.899.729.066
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.961.994.978)	(26.195.305.447)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.176.616.120)	(2.500.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.100.911.426)	(795.576.381)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(893.255.354)	3.336.270.360
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.021.362.996	1.685.092.636
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.128.107.642	5.021.362.996

Người lập biểu



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thùy Ngân

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



 Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại gồm:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
Nhà máy Cấp nước Cần Thơ 2	Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 9Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ.
Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy	Số 205 đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

05. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán, hoàn thành và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với phần thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch sinh hoạt và lắp đặt thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, áp dụng mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động, thời gian bắt đầu áp dụng từ năm 2021.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	22.259.430	11.899.287
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.105.848.212	5.009.463.709
Cộng	4.128.107.642	5.021.362.996

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>2.533.116.723</i>	<i>1.640.587.114</i>
- Khách hàng mua nước sinh hoạt	2.290.231.482	1.395.138.157
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	242.885.241	242.885.241
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	-	2.563.716
Cộng	2.533.116.723	1.640.587.114

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>2.476.041.325</i>	<i>2.251.705.088</i>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	-	2.058.039.260
- Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	838.320.211	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	945.923.389	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát	417.900.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	273.897.725	193.665.828
Cộng	2.476.041.325	2.251.705.088

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	156.770.180	-	1.354.078.192	-
- Phải thu khác	156.770.180	-	187.113.207	-
+ Tạm ứng vật tư – Chi nhánh Công ty	-	-	1.166.964.985	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	1.120.864.244	-
b. Dài hạn				
- Phải thu khác	37.869.300	-	46.100.741	-
+ Tạm ứng cổ tức	37.869.300	-	4.579.379.000	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	4.579.379.000	-
	37.869.300	-	4.541.492.600	-
Cộng	194.639.480	-	37.886.400	-
			5.933.457.192	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.110.641.416	-	11.132.150.085	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.330.098	-	35.531.145	-
Cộng	10.131.971.514	-	11.167.681.230	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.871.018.509	15.460.919.578
- Xây dựng cơ bản	18.469.888.796	14.776.240.312
+ Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2019 - MR2	6.124.319.940	5.164.221.904
+ Hạng mục lắp đặt tuyến ống CN D630 HDPE xi phong qua sông Bình Thủy	3.171.181.577	-
+ Công trình khác	9.174.387.279	9.612.018.408
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.401.129.713	684.679.266
Cộng	19.871.018.509	15.460.919.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	121.559.151.682	110.604.464.853	208.860.216.376	13.495.278.580	454.519.111.491
- Mua trong năm	-	3.860.352.298	-	2.669.684.000	6.530.036.298
- Đầu tư XD CB hoàn thành	2.780.864.825	-	20.306.133.881	-	23.086.998.706
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	124.340.016.507	114.464.817.151	229.166.350.257	16.164.962.580	484.136.146.495
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	98.962.531.120	92.043.410.660	81.327.853.796	7.501.818.824	279.835.614.400
- Khấu hao trong năm	3.257.216.784	3.547.674.379	13.252.082.636	2.651.715.967	22.708.689.766
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	102.219.747.904	95.591.085.039	94.579.936.432	10.153.534.791	302.544.304.166
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	22.596.620.562	18.561.054.193	127.532.362.580	5.993.459.756	174.683.497.091
2. Tại ngày cuối năm	22.120.268.603	18.873.732.112	134.586.413.825	6.011.427.789	181.591.842.329

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 189.787.287.624 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 96.193.147.072 VND và 77.956.261.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. (Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.07).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>640.127.273</i>	<i>640.127.273</i>
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>640.127.273</i>	<i>640.127.273</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>362.639.380</i>	<i>362.639.380</i>
- Khấu hao trong năm	136.912.140	136.912.140
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>499.551.520</i>	<i>499.551.520</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>277.487.893</i>	<i>277.487.893</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>140.575.753</i>	<i>140.575.753</i>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 218.400.000 đồng.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	373.439.543	98.350.000
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	348.939.543	66.850.000
- Các khoản khác	24.500.000	31.500.000
b. Dài hạn	504.268.057	1.269.552.191
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	244.474.219	726.049.100
- Các khoản khác	259.793.838	543.503.091
Cộng	877.707.600	1.367.902.191

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	17.009.371.847	17.009.371.847	25.305.427.744	23.865.955.833	18.448.843.758	18.448.843.758
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	3.202.776.829	3.202.776.829	16.726.799.672	10.059.360.815	9.870.215.686	9.870.215.686
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	13.806.595.018	13.806.595.018	8.578.628.072	13.806.595.018	8.578.628.072	8.578.628.072
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	4.246.595.018	4.246.595.018	3.050.628.072	4.246.595.018	3.050.628.072	3.050.628.072
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	9.560.000.000	9.560.000.000	5.528.000.000	9.560.000.000	5.528.000.000	5.528.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	32.237.488.107	32.237.488.107	14.310.900.000	18.674.667.217	27.873.720.890	27.873.720.890
- <i>Vay ngân hàng</i>	32.237.488.107	32.237.488.107	14.310.900.000	18.674.667.217	27.873.720.890	27.873.720.890
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	25.167.642.383	25.167.642.383	4.074.000.000	12.708.567.217	16.533.075.166	16.533.075.166
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	7.069.845.724	7.069.845.724	10.236.900.000	5.966.100.000	11.340.645.724	11.340.645.724
Cộng	49.246.859.954	49.246.859.954	39.616.327.744	42.540.623.050	46.322.564.648	46.322.564.648

(a): Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 056/2020-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/6/2021 vay theo hạn mức bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức 10.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ.

(b): Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 40/KHDN/2017 ngày 31 tháng 03 năm 2017 để đầu tư nâng cấp cải tạo tỉnh lộ 918 (GD2) - Tuyến ống cấp nước D.300 gang và HDPE Từ Km5+404 đến Km9+922 tỉnh lộ 918 - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 42/2017/HĐCVDADTNHCT820_CNCT2 ngày 14 tháng 08 năm 2017 để bù đắp vốn tự có đầu tư dự án trụ sở làm việc Công ty Cổ phần cấp nước Cần Thơ 2;
- Hợp đồng 090201/2018-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12/2/2018 Thi công đào lắp đặt tuyến ống cấp nước D.300 gang và D.315 HDPE tại đường Đinh Công Chánh - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cầu Bình Thủy 3, P. Long Hòa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ML19/17 trong thời gian 60 tháng;
- Hợp đồng 290302/2018-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 2/4/2018 Cải tạo sửa chữa tuyến ống nước thô Sông Hậu Nhà máy nước Cần Thơ 2 - TBQT01/18;
- Hợp đồng 71/2018-HĐCVTL/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26/7/2018 để mua 2.500 đồng hồ đo nước 15 ly Arad;
- Hợp đồng số 044/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10/6/2019 để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT -1 tại Quận Ninh Kiều và Q. Bình Thủy TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 061/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 15/7/2019 để thực hiện mua Đồng hồ đo nước theo kế hoạch đầu tư năm 2019;
- Hợp đồng số 072/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20/8/2019 để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT -2 tại Quận Ninh Kiều và Q. Bình Thủy TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 085/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 16/09/2019 để thực hiện đầu tư dự án Lưới chắn rác trạm bơm cấp 1 Rạch Khai Luông TBQT 02/19;
- Hợp đồng số 091/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 19/9/2019 để thực hiện mua sắm vật tư sửa chữa hệ thống cấp nước;
- Hợp đồng số 095/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10/10/2019 để thanh toán chi phí mua máy bơm trực đứng 75Kw và đồng hồ siêu âm cầm tay;
- Hợp đồng số 078/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 11/12/2019 để thực hiện công trình Mở rộng văn phòng và Xây dựng nhà kho lưu trữ Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2;
- Hợp đồng số 057/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 18/06/2020 thanh toán chi phí mua các đồng hồ đo nước theo Kế hoạch đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 5/12/2019;
- Hợp đồng số 058/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 18/06/2020 thanh toán chi phí mua sắm vật tư sửa chữa MLCN theo Kế hoạch đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH- CNCT2 ngày 5/12/2019;
- Hợp đồng số 088/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/08/2020 để thực hiện đầu tư dự án công trình gói thầu mở rộng nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2020 tại Quận Ninh Kiều và Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ;
- Hợp đồng số 089/2020-HĐCVDADTNHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/08/2020 để thanh toán chi phí mua sắm vật tư sửa chữa mạng lưới cấp nước theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05/12/2019;
- Hợp đồng số 090/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/8/2020 thanh toán chi phí các đồng hồ đo nước và bơm tuabin trực đứng 110Kw theo HĐ mua bán hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng số 103/HĐKT-20 ngày 06/07/2020;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 099/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/11/2020 để thanh toán chi phí mua máy bơm nước 75Kw theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05/12/2019;
 - Hợp đồng số 122/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/11/2020 để thanh toán chi phí mua sắm bàn ghế làm việc, quầy tiếp khách hàng theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05/12/2020;
 - Hợp đồng số 070/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30/8/2021 để thanh toán chi phí thi công Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR1 tại Q.Bình Thủy. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8% và được điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 064/2021/HĐBĐ/NHCT820 – CTY CP NƯỚC CẦN THƠ 2;
 - Hợp đồng số 071/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30/8/2021 để thanh toán chi phí thực hiện công trình Tu bổ sửa chữa nhà máy nước Cần thơ 2 - Thay vật liệu cụm lọc, cụm 40.000 m3/ ngày đêm và cụm 10.000 m3/ngày đêm, sơn lan can cầu dẫn, sơn ống công nghệ D.600, D.300. Thời hạn cho vay 36 tháng, lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8% và được điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 065/2021/HĐBĐ/NHCT820 – CTY CP NƯỚC CẦN THƠ 2.
- (c): Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 14/VCBCT ngày 10 tháng 11 năm 2016 để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định, nâng cấp mạng lưới cấp nước với tổng hạn mức 24.000.000.000 đồng, trong thời gian 60 tháng;
 - Hợp đồng số 15/VCBCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định, nâng cấp mạng lưới cấp nước với tổng hạn mức 6.000.000.000 đồng, trong thời gian 60 tháng;
 - Hợp đồng 03/2018/VCBCT ngày 31/1/2018 mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 - Lắp tuyến ống cấp nước D.300 gang, D.315 và D.110 HDPE - Bên trái đường Võ Văn Kiệt - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ - P. Long Hòa - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ trong thời gian 60 tháng;
 - Hợp đồng số 09/DN/TDH/2018 ngày 25/5/2018 để mua sắm Bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin - Ý (gồm đầu kéo, guồng bơm và motor trục đứng chuyên dùng CS:16Kw);
 - Hợp đồng số 126/DN/TDH/2018 ngày 16/10/2018 và Hợp đồng số 55/DN/TDH/2020 ngày 16/04/2020 vay xây dựng công trình Trạm bơm Long Hòa - Bể chứa nước sạch 3.000 m3/ngày đêm;
 - Hợp đồng số 86/DN/TDH/2020 ngày 27/8/2020 vay mua sắm hàng hóa thuộc hạng mục: Mua theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020;
 - Hợp đồng số 07/DN/TDH/2021 ngày 19/01/2021 vay thi công công trình Tuyến ống D300 gang và D110 HDPE bên trái Đường Vành Đai Sân bay (từ Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong) và tuyến ống D.315, D110 và D63 HDPE tỉnh lộ 918 - Đoạn từ Km12+263 đến Km14+573 - xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP.Cần Thơ - GT02/20. Thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,8%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc và bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng;
 - Hợp đồng số 89/DN/TDH/2021 ngày 13/8/2021 vay thi công công trình Tuyến ống cấp nước D630 HDPE xi phông qua sông Bình Thủy ML 05/21. Thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 91/DN/BD/2021 ký ngày 09/08/2021;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 105/DN/TDH/2021 ngày 21/10/2021 vay thi công công trình Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2 tại Q.BT, TP.CT - GT02/21. Thời hạn cho vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 98/DN/BD/2021 ký ngày 31/08/2021;
- Hợp đồng số 108/DN/TDH/2021 ngày 29/10/2021 vay thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ của đường nối giữa CMT8-đường tỉnh 918 - ML04/21; Thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 123/DN/BD/2021 ký ngày 27/10/2021;
- Hợp đồng số 109/DN/TDH/2021 ngày 29/10/2021 vay thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ dự phòng của đường nối giữa CMT8-đường tỉnh 918. Nút giao VVK với đường nối giữa CMT8-Đường tỉnh 918, Q.BT (bên trái) - ML06/21. Thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 124/DN/BD/2021 ký ngày 27/10/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	10.267.708.058	10.267.708.058	5.418.796.589	5.418.796.589
- Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	4.784.645.258	4.784.645.258	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây Dựng Bảo Gia	2.294.589.000	2.294.589.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	1.654.406.758	1.654.406.758	192.128.200	192.128.200
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	-	-	1.838.483.588	1.838.483.588
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	2.621.279.404	2.621.279.404
Cộng	1.534.067.042	1.534.067.042	766.905.397	766.905.397
	10.267.708.058	10.267.708.058	5.418.796.589	5.418.796.589

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
- Khách hàng công trình	189.447.306	79.668.038
Cộng	189.447.306	79.668.038

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	637.556.326	1.554.386.320	3.137.556.326	945.613.680	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	192.319.855	603.140.584	614.566.820	-	180.893.619
- Thuế tài nguyên	-	30.469.780	722.085.920	363.090.840	-	389.464.860
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	5.340.950.393	4.922.816.528	-	418.133.865
Cộng	-	860.345.961	8.225.563.217	9.043.030.514	945.613.680	988.492.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	60.378.868	1.271.166.228
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.378.868	1.271.166.228
+ Các đối tượng khác	60.378.868	1.271.166.228
b. Dài hạn	6.252.509.064	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.252.509.064	-
+ Tiền tài trợ Dự án Hà Lan ^(a)	3.225.000.000	-
+ Tiền bồi thường công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (Giai đoạn 1), phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ^(b)	2.156.361.000	-
+ Tiền bồi thường công trình: Cải tạo Rạch Cái Sơn - Mương Khai ^(c)	871.148.064	-
Cộng	6.312.887.932	1.271.166.228

(a): Khoản tiền được nhận từ dự án "WaterWorX hướng đến cấp nước thích nghi với Biến đổi khí hậu khu vực Tây Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long" do Công ty Vitens Evides International B.V (VEI) tài trợ;

(b): Khoản tiền được bồi thường do ảnh hưởng dự án Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (Giai đoạn 1) - Hạng mục di dời hệ thống cấp nước phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

(c): Khoản tiền được bồi thường, hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước sinh hoạt D110 HDPE ảnh hưởng vi phạm thi công - Hạng mục "Xây dựng bờ kè cho rạch Cái Sơn, Mương Khai tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	117.733.160.000	5.451.078.844	15.993.581.988	139.177.820.832
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	20.975.812.392	20.975.812.392
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước				
Số dư đầu năm nay	117.733.160.000	5.451.078.844	36.969.394.380	160.153.633.224
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	18.969.083.610	18.969.083.610
Phân phối lợi nhuận (*)	-	11.023.560.207	(36.969.394.380)	(25.945.834.173)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	117.733.160.000	16.474.639.051	18.969.083.610	153.176.882.661

(*): Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2021 và phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 49/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 cụ thể như sau:

	Phân phối lợi nhuận năm 2019	Phân phối lợi nhuận năm 2020	Cộng
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.798.074.596	6.225.485.611	11.023.560.207
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.189.652.512	6.038.072.941	9.227.725.453
Trích cổ tức chi trả	8.005.854.880	8.712.253.840	16.718.108.720
Tổng phân phối lợi nhuận	15.993.581.988	20.975.812.392	36.969.394.380

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	57.689.260.000	49,00	57.689.260.000	49,00
- Vốn góp của các đối tượng khác	60.043.900.000	51,00	60.043.900.000	51,00
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội	57.525.840.000	48,86	57.525.840.000	48,86
+ Các đối tượng khác	2.518.060.000	2,14	2.518.060.000	2,14
Cộng	117.733.160.000	100	117.733.160.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	117.733.160.000	117.733.160.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.718.108.720	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.773.316
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	16.474.639.051	5.451.078.844
Cộng	16.474.639.051	5.451.078.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán nước	93.576.861.403	99.012.971.016
- Doanh thu lắp đặt	2.207.923.819	2.521.404.452
- Doanh thu chuyển nhượng vật tư	193.609.346	226.607.637
- Doanh thu công trình khác	162.972.513	1.209.927.342
- Doanh thu khác	56.273.878	41.243.614
Cộng	96.197.640.959	103.012.154.061

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	3.121.383	34.869.998
Cộng	3.121.383	34.869.998

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm xuất bán nước	55.613.219.258	58.934.762.867
- Giá vốn lắp đặt	1.486.321.368	2.219.055.352
- Giá vốn chuyển nhượng vật tư	166.863.394	194.786.280
- Giá vốn thành phẩm - công trình khách hàng	93.204.384	1.072.628.133
Cộng	57.359.608.404	62.421.232.632

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	22.721.393	19.342.606
Cộng	22.721.393	19.342.606

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.289.943.885	3.709.499.476
Cộng	3.289.943.885	3.709.499.476

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Phí bảo vệ môi trường giữ lại (6%)	312.859.791	265.186.321
- Tiền tài trợ từ dự án Hà Lan	384.059.200	-
- Tiền bồi thường	272.524.178	-
- Các khoản khác	72.230.400	355.415.111
Cộng	1.041.673.569	620.601.432

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí tư vấn, khảo sát công trình	183.266.004	-
- Các khoản khác	-	57.781.210
Cộng	183.266.004	57.781.210

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	14.889.898.591	12.972.998.625
- Chi phí nhân viên quản lý	9.776.459.349	9.211.427.082
- Chi phí vật liệu quản lý	234.957.263	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	718.444.458	301.397.002
- Chi phí khấu hao TSCĐ	677.370.016	566.525.340
- Thuế, phí và lệ phí	140.627.529	75.083.215
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.605.206	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.483.434.770	2.818.565.986
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.012.727.724	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.006.347.475	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.380.249	-
Cộng	15.902.626.315	12.972.998.625

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.554.386.320	3.479.903.766
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.554.386.320	3.479.903.766

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết cách xác định

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.781.663.839	412.855.737	96.194.519.576
Giá vốn hàng bán	57.099.540.626	260.067.778	57.359.608.404
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.682.123.213	152.787.959	38.834.911.172
Doanh thu hoạt động tài chính	-	22.721.393	22.721.393
Chi phí tài chính	3.289.943.885	-	3.289.943.885
Chi phí bán hàng	1.012.727.724	-	1.012.727.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.889.898.591	-	14.889.898.591
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.489.553.013	175.509.352	19.665.062.365
Lợi nhuận khác	-	858.407.565	858.407.565
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.489.553.013	1.033.916.917	20.523.469.930
Các khoản điều chỉnh tăng	-	324.066.004	324.066.004
Thù lao trả thành viên HĐQT không trực tiếp quản lý	-	140.800.000	140.800.000
Chi phí không phục vụ SXKD	-	183.266.004	183.266.004
Thu nhập tính thuế TNDN	19.489.553.013	1.357.982.921	20.847.535.934
Thuế suất (**)	10%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.948.955.301	271.596.585	2.220.551.886
Thuế TNDN được giảm 30%	584.686.590	81.478.976	666.165.566
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.364.268.711	190.117.609	1.554.386.320

(**): Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với phần thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch sinh hoạt và lắp đặt thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, áp dụng mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động, thời gian bắt đầu áp dụng từ năm 2021.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	18.969.083.610	20.975.812.392
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.969.083.610	20.975.812.392
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	6.038.072.941
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.611	1.269

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	18.969.083.610	20.975.812.392
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.969.083.610	20.975.812.392
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	6.038.072.941
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.611	1.269

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.997.826.423	6.118.243.477
- Chi phí nhân công	28.334.449.413	26.469.272.738
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.845.601.906	19.144.433.911
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.461.954.896	17.594.018.783
- Chi phí khác bằng tiền	5.608.201.034	5.660.817.667
Cộng	73.248.033.672	74.986.786.576

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	2.323.927.273	2.650.346.752
Cộng	2.323.927.273	2.650.346.752

Trong năm tài chính, Công ty không có giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.128.107.642	-	5.021.362.996	4.128.107.642	5.021.362.996
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.570.986.023	-	7.386.931.099	2.570.986.023	7.386.931.099
Cộng	6.699.093.665	-	12.408.294.095	6.699.093.665	12.408.294.095

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	10.267.708.058	5.418.796.589	10.267.708.058	5.418.796.589
Vay và nợ	46.322.564.648	49.246.859.954	46.322.564.648	49.246.859.954
Các khoản phải trả khác	6.312.887.932	1.271.166.228	6.312.887.932	1.271.166.228
Cộng	62.903.160.638	55.936.822.771	62.903.160.638	55.936.822.771

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	10.267.708.058	-	-	10.267.708.058
Vay và nợ	18.448.843.758	27.873.720.890	-	46.322.564.648
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	60.378.868	6.252.509.064	-	6.312.887.932
Cộng	28.776.930.684	34.126.229.954	-	62.903.160.638
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	5.418.796.589	-	-	5.418.796.589
Vay và nợ	17.009.371.847	32.237.488.107	-	49.246.859.954
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.271.166.228	-	-	1.271.166.228
Cộng	23.699.334.664	32.237.488.107	-	55.936.822.771

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

STT	Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
1	Nâng cấp cải tạo tỉnh lộ 918 (GĐ2) - Tuyến ống cấp nước D.300 gang và HPDE - Từ Km5+404 đến Km9+922 tỉnh lộ 918 - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ (ML25/14)	9.315.019.316
2	Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 XD01/15	4.435.076.550
3	Mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 - LD tuyến ống cấp nước D.300 gang, D.315 và D.110 HDPE - Bên trái đường Võ Văn Kiệt - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ - P. Long Hòa - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ ML26/15	6.281.566.071
4	Nâng cấp, cải tạo mạng lưới cấp nước Chi nhánh Cấp nước số 2; LD tuyến ống cấp nước D.300 gang và D.315 HDPE; Đường Đình Công Chánh - Từ cầu Bình Thủy 2 đến cầu Bình Thủy 3 - P. Long Hoà, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	6.874.992.948
5	Bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin - Ý (gồm đầu kéo, guồng bơm và motor trục đứng chuyên dùng CS: 16Kw)	2.442.248.848
6	Bể chứa nước sạch 3.000m ³ và trạm bơm XD01/18	9.495.713.016
7	Tuyến ống D.110 Hẻm 66 Đường Nguyễn Văn Cừ	205.375.572
8	Tuyến ống D.110 Hẻm 13 Đường Nguyễn Trãi	70.541.534
9	Tuyến ống D.63 và D.110 HDPE Hẻm 244 qua hẻm 178 Đường CMT8	391.563.781
10	Tuyến ống D.110 Hẻm 10 Đường Lê Anh Xuân	39.054.568
11	Tuyến ống D.110 Hẻm 546 Đường Cách Mạng Tháng Tám	79.486.979
12	Tuyến ống D225 bên trái Đường Trần Quang Diệu (Từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Chợ Cầu Ván)	3.141.111.308
13	Tuyến ống D225 HDPE hai bên đường Mậu Thân từ cầu Rạch Ngỗng đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.903.126.977
14	Tuyến ống D.160 HDPE hẻm 147 đường Nguyễn Văn Cừ	218.430.525
15	Tuyến ống D225 bên trái đường Trần Quang Diệu (đoạn từ hẻm sơ ri đến chợ Cầu Ván)	1.879.680.967
16	Tuyến ống D160HDPE bên trái đường Phạm Ngũ Lão từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến cuối đường; CNCN2 - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	753.907.075
17	Tuyến ống D160HDPE bên phải đường Phạm Ngũ Lão từ D.CMCT8 đến cuối đường; CNCN2 - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	833.799.920
18	Tuyến ống D.110HDPE hẻm 152 đường Cách Mạng Tháng Tám; CNCN2 - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	113.299.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
19	Tuyến ống D.63 và D.110 HDPE hẻm 141 Trần Văn Khéo; CNCN2 - Gói thầu NCCT2-GT03/19	163.577.078
20	Tuyến ống D.110 HDPE trung tâm thương mại Cái Khế; CNCN2 - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	979.327.528
21	Tuyến ống D.110 HDPE Rạch Miễu Ông, P. Long Tuyền; CNBT - Gói thầu NCCT2-GT03/19	142.308.607
22	Tuyến ống D.110 HDPE Khu dân cư Mặt trời đỏ, P. Long Tuyền; CNBT - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	384.694.566
23	Tuyến ống D.110HDPE Khu dân cư Dầu khí, P. Long Tuyền; CNBT - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	334.435.446
24	Tuyến ống D.110 HDPE Khu tập thể 720; CNBT - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	161.386.807
25	Tuyến ống D.110HDPE Rạch Khoán Châu; Xẻo Nga, P. Long Hòa; CNBT - Gói thầu NCCT2 - GT03/19	569.676.555
26	Lưới chắn rác trạm bơm cấp 1 Rạch Khai Luông - TBQT02/19	501.855.717
27	Dòng đồng hồ cầm tay (Dạng siêu âm kẹp)	224.835.757
28	Bơm tua bin trực đứng	1.275.883.830
29	Mở rộng văn phòng và xây dựng nhà kho lưu trữ Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (XD03/19)	2.515.860.886
30	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 1)	184.475.672
31	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 2)	184.475.672
32	Biến tần 37kw- 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	73.858.552
33	Biến tần 75Kw - 3 pha + CB	195.569.896
34	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 1	348.480.000
35	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 2	348.480.000
36	Cụm hóa chất PAC, hệ 10,000 m3/ng.đ (01 cảm biến đo lưu lượng + 02 cảm biến đo mực nước)	107.860.128
37	Trạm bơm cấp I cụm 10,000m3/ng.đ (Gồm 01 PLC viết chương trình và các thiết bị relay kết nối)	35.229.328
38	Thiết bị đo độ đục 01-1000NTU	43.560.000
39	Thiết bị đo độ đục nước sạch	145.539.528
40	Thiết bị đo độ đục nước sạch	145.539.528
41	Biến tần 110Kw - 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	173.529.224
42	Tổ máy phát điện hiệu Pacelink; Model: PLG-C176(S)	718.787.938
43	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	337.927.200
44	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	337.927.200
45	Máy bơm tuabin trực đứng 37kw Hiệu Aturia, Model: VAB 230/1 Italia	672.672.000
46	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Trại Giã đến cầu gần trường tiểu học Long Tuyền (GT01/20)	653.333.336
47	Tuyến ống D110 HDPE đường cấp mé trái Rạch Cam KV Bình Yên B, P. Long Hòa (GT01/20)	933.333.336
48	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Bông Vang đến cầu Rạch Nhum (bên trái) (GT01/20)	373.333.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
49	Tuyến ống D110 HDPE đường vào khu Lò đường - Rạch Bà Cầu (KV Bình Yên A) GT01/20	933.333.333
50	Tuyến ống D110 HDPE rạch Ngã Bát (GT01/20)	1.026.666.664
51	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Súc (bên trái) KV Bình Trung, P. Long Hòa (GT01/20)	991.666.667
52	Hẻm 444 bên trái, đường Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa GT01/20	198.333.333
53	Tuyến ống D225 HDPE Đường Nguyễn Văn Cừ (bên trái) GT01/20	2.280.833.333
54	Tuyến ống D225 HDPE Đường Trần Việt Châu, bên phải từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão GT01/20	991.666.667
55	Tuyến ống D225 HDPE Đường Trần Việt Châu, bên trái từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão GT01/20	991.666.667
56	Máy bơm tua bin trực đứng 110kw Hiệu ATURIA, Model: VAB 251/2 Italia	1.991.115.813
57	Máy bơm tua bin trực đứng Peerless Vertical - Mỹ - Guồng bơm 18HXB; công suất 75KW; P=75Kw; 3 pha - 380/660V, Q=950m ³ /h, H=20m	1.566.666.660
58	Bàn hợp - Phương Trúc BHOP70-VPCTy	116.250.004
59	Quầy tiếp dân 01-Phương Trúc QUAY70-I - CNCN số 2	130.625.005
60	Quầy tiếp dân 02-Phương Trúc QUAY60-I - CNCN Bình Thủy	137.187.500
61	Tủ đựng hồ sơ 01 - Phương Trúc THS25, CNCN Bình Thủy	26.999.997
62	Tủ đựng hồ sơ 02 - Phương Trúc THS25, CNCN Bình Thủy	26.999.997
63	Tủ đựng hồ sơ 03 - Phương Trúc THS25, CNCN Bình Thủy	26.999.998
64	Tuyến ống D315HDPE, D110 HDPE và D63 HDPE Tỉnh lộ 918- đoạn từ Km12+263 đến Km14+573, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền GT02/20	4.777.500.001
Cộng		77.956.261.822

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPM Auditing & Advisory.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

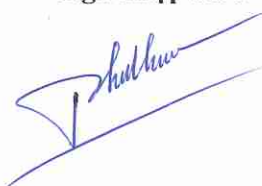
Trong năm tài chính, không có hoạt động, hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Phương Thảo



Lê Thùy Ngân



Trần Thanh Phong

